

Số: 1007/BC- TB

Hải Dương, ngày 05 tháng 09 năm 2023

**BÁO CÁO THỰC HIỆN
QUY CHẾ CÔNG KHAI DÂN CHỦ ĐẦU NĂM HỌC 2023-2024**

I. SỐ LIỆU CHUNG

1. Số lớp, số hs:

TT	KHỐI	SỐ NHÓM, LỚP	SỐ HS	GHI CHÚ
1	6	14	711	
2	7	11	544	
3	8	11	534	
4	9	12	592	
CỘNG		48	2381	

3. Việc thực hiện 3 công khai theo TT36/BGD&ĐT:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

BIỂU MẪU 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD&ĐT HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THCS TÂN BÌNH

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường THCS Tân Bình
Năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Thi theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	- Điều kiện tuyển sinh	- Hoàn thành CT tiểu học. - Thường trú hoặc tạm trú hợp pháp tại phường Tân Bình, Thanh Bình	- Đủ điều kiện lên lớp 7. - Thường trú hoặc tạm trú hợp pháp tại phường Tân Bình, Thanh Bình	- Đủ điều kiện lên lớp 8. - Thường trú hoặc tạm trú hợp pháp tại Tân Bình, Thanh Bình	- Đủ điều kiện lên lớp 9. - Thường trú hoặc tạm trú hợp pháp tại phường Tân Bình, Thanh Bình
II	- Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ.	- Theo đúng chương trình, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục đối với các lớp bậc THCS.			
III	- Yêu cầu về	1- Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình:			

<p>phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.</p> <p>- Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</p>	<p>- Gia đình học sinh thường xuyên phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh và thực hiện những nhiệm vụ do Ban đại diện cha mẹ học sinh đề ra.</p> <p>- Gia đình phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên bộ môn của lớp để chăm sóc, quản lý, động viên học sinh tích cực, tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ quy định của Điều lệ và nội quy nhà trường.</p> <p>- Phụ huynh chịu trách nhiệm đối với sai phạm, khuyết điểm của con em mình theo quy định của pháp luật và thực hiện Nghị quyết của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp trong việc phối hợp với nhà trường để chăm sóc, quản lý, giáo dục học sinh.</p> <p>2- Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</p> <p>- Học sinh kính trọng thầy giáo, cô giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước;</p> <p>- Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường;</p> <p>- Chăm lo rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn và bảo vệ môi trường; tích cực tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp. của Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, giúp đỡ gia đình và tham gia công tác xã hội.</p> <p>- Thường xuyên giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.</p>
<p>IV</p> <p>- Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)</p>	<p>1. Khuôn viên nhà trường: Thoáng đàng có tổng diện tích 8025m², có tường rào, cổng trường, biển trường, tất cả các khối công trình trong nhà trường được bố trí hợp lý, thuận lợi và luôn được giữ sạch, đẹp.</p> <p>2. Khu phòng học, phòng thực hành bộ môn:</p> <p>- Phòng học: Có 25 phòng học; 8 phòng bộ môn trường học 2 ca, phòng học thoáng mát, đủ ánh sáng; có đủ bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng đen ... đúng quy cách hiện hành.</p> <p>- Phòng bộ môn: Có 08 phòng bộ môn: 02KHTN, 01 Âm nhạc, 01 Mỹ thuật, 01 Ngoại ngữ, 01 Tin học, 01 Công nghệ, 01 phòng KHXH, được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định tại Quy chế thiết bị giáo dục trong trường phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Các phòng đều có máy vi tính, máy chiếu đa năng và máy chụp vật thể.</p> <p>- Phòng thực hành Tin học hiện nay có 24 máy được nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ học sinh và giáo viên học tập, tra cứu thông tin, nghiên cứu.</p> <p>- Phòng thiết bị dùng chung và phòng tranh ảnh bản đồ được sắp xếp khoa học thuận tiện cho việc mượn, trả thiết bị, tranh ảnh bản đồ hàng ngày, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.</p> <p>3. Khu phục vụ học tập:</p> <p>- Có thư viện đúng theo tiêu chuẩn quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động của thư viện trường học, Thư viện có khoảng 9200 đầu sách phục vụ đắc lực cho việc học tập và nghiên cứu của cán bộ giáo viên và học sinh, Thư viện trường đã được công nhận thư viện tiên tiến.</p>

		<p>4. Các công trình khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu sân chơi sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, có cây bóng mát, có bố trí ghế đá cho học sinh chơi đùa, nghỉ ngơi sau các tiết học căng thẳng. - Khu vệ sinh được bố trí hợp lý riêng cho giáo viên, cho học sinh nam, học sinh nữ, không làm ô nhiễm môi trường ở trong và ngoài nhà trường. - Có khu để xe riêng cho giáo viên và cho học sinh khuôn viên nhà trường, đảm bảo trật tự, an toàn. - Nhà trường đã chuẩn bị đủ nước sạch cho các hoạt động dạy - học, các hoạt động giáo dục và nước uống cho giáo viên, học sinh hàng ngày; có hệ thống chống xói mòn đất và thoát nước hợp vệ sinh 									
V	- Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<p>Ngoài kế hoạch và chương trình dạy học theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường còn tổ chức cho Học sinh tham gia các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như: Ngoại khóa, Rèn kĩ năng sống cho học sinh THCS để thi đua ôn tập kiến thức đã học, tuyên truyền các nội dung giáo dục pháp luật, môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội, tham gia các buổi tập huấn ATGT, PCCC, phòng chống đuối nước ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động văn thể, hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện, hoạt động đền ơn đáp nghĩa, bảo vệ môi trường, rèn luyện kĩ năng sống, giáo dục giới tính ... phù hợp với tâm sinh lý của từng lứa tuổi học sinh. 									
VI	- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ cán bộ giáo viên đều đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo. Cam kết phần đầu đạt 6 tiêu chuẩn của giáo viên Trung học cơ sở theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Đội ngũ cán bộ quản lý cam kết phần đầu đạt ba tiêu chuẩn bao gồm 23 tiêu chí theo chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở ban hành theo Thông tư số 29/2009/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Phương pháp quản lý: Thực hiện đổi mới công tác quản lý. <ul style="list-style-type: none"> + Đổi mới về tư duy quản lý giáo dục + Đổi mới phương thức quản lý giáo dục + Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục + Tập trung các biện pháp để khắc phục những hạn chế, những diễn biến phức tạp của tình hình Thanh thiếu niên trên địa bàn, những thách thức do đổi mới công tác quản lý nhà trường đặt ra. 									
VII	Kết quả của học sinh đạt được	Xếp loại	Khối 6		Khối 7		Khối 8		Khối 9		
			Hạnh kiểm (%)	Học lực (%)	Hạnh kiểm (%)	Học lực (%)	Hạnh kiểm (%)	Học lực (%)	Hạnh kiểm (%)	Học lực (%)	
			T(G)	91.1	47.2	91.5	45.6	91.8	38.2	97.6	42.8
			Khá	8.5	35.2	7.4	35.2	7.4	37.9	2.4	38.4
			T.B	0.2	15.6	0.9	18.1	0.8	20.5	0.0	18.9
			Yếu	0.2	2.0	0.2	1.1	0.0	3.4	0.0	0.0
VIII	- Khả năng học tập tiếp tục của học	Có đủ khả năng để tiếp tục học lớp 7	Có đủ khả năng để tiếp tục học lớp 8 THCS	Có đủ khả năng để tiếp tục học lớp 9 THCS	Có đủ khả năng để tiếp tục học lên lớp 10 hoặc						

sinh	THCS		học nghề
------	------	--	----------

Hải Dương, ngày 05 tháng 09 năm 2023



Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD-ĐT TP HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THCS TÂN BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông học cuối năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2149	529	609	511	500
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	90.5	91.1	91.5	91.8	97.6
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	8.6	8.5	7.4	7.4	2.4
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.8	0.2	0.9	0.8	0.0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.1	0.2	0.2	0.0	0.0
II	Số học sinh chia theo học lực	2149	529	609	511	500
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	43.8	47.2	45.6	38.2	42.8
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	37.7	35.2	35.2	37.9	38.4
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	17.2	15.6	18.1	20.5	18.9
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1.3	2.0	1.1	3.4	0.0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	43.8	42.6	40.1	38.0	55.4
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	37.7	43.2	35.0	42.3	30.4
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi.	0	0	0	0	0
	Chuyển đến	0	0	0	0	0
	Chuyển đi	0	0	0	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi văn hoá, Máy tính Casio, TTHĐ, Giải toán trên Internet, Nghề PT					
1	Cấp Thành phố					
2	Cấp Tỉnh					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	số học sinh nữ/ tổng số HS	930/2149	141/611	228/514	212/501	206/466
X	Số học sinh dân tộc thiểu số					

+ Công khai kết quả tuyển sinh lớp 6 năm học 2023-2024

Căn cứ quyết định chỉ tiêu phát triển Giáo dục năm 2021- 2022 của Chủ tịch UBND TP Hải Dương giao cho nhà trường: 11 lớp 6 với 495 HS.

Nhà trường đã duyệt tuyển sinh với Phòng Giáo Dục 2 đợt với tổng số 711HS. Đến thời điểm hiện tại, số HS lớp 6 14 lớp với 711 HS.

+ Công khai kết quả thi THPT thi vào lớp 10 – năm học 2022-2023

T T	Trường THCS	Tổ t ng hiệ p	Dự thi		Vào THPT công lập															
			SL	TL	Tổng	T L	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	THPT Hồng Quang	THPT Nguyễn Văn Cừ	THP T Nguyễn Du	Khác									
											Cá m Gi à n g 1	Na m s á c h 2	Hư n g Đạ o	G ia L ộc 2	Kh úc Th ừa đụ	T ú K ÿ	H à B á c	Hà Đò ng	Cầ u xe	Kinh môn 2
1	Tân Bình	498	357	71,7%	226	63,3%	15	60	10	128	1	3	1	1	1	1	1	2	1	1

Vào THPT Tư thục						Khác					Ghi chú
Tổng	TL	THPT CVA	THPT Lương Thế Vinh	THPT Thành Đông	THPT Mary	GDTX TP	GDTX Tỉnh	TCVH	FPT	CĐ Công thương	
272	54,6%	47	119	24	32	33	4	8	2	3	

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a) Cơ sở vật chất

Biểu mẫu 11

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THCS TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
I	Số phòng học	28	-
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	28	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	8	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	5	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,13 lớp/phòng	-
8	Bình quân học sinh/lớp	48. HS/lớp	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8250m ²	5.1m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3200m ²	1.9m ²
VI	Tổng diện tích các phòng	2.012m ²	1.25m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.350m ²	0.84m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	440m ²	0.27m ²
4	Diện tích thư viện (m ²)	94m ²	0,06m ²
6	Diện tích phòng khác (phòng làm việc)(m ²)	128m ²	2.1m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	06	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	6	6/11
2	Khối lớp 7	5	5/9
3	Khối lớp 8	4	4/8
4	Khối lớp 9	4	4/8
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	24	0.015 HS/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	12	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	

2	Cát xét	05	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01 bộ	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	08	
	- Máy chiếu OverHead	06	
	- Projector	0	
	- Vật thể	02	
5	Thiết bị khác...	2	
	- Máy ảnh	00	
	- Máy Phô tô	00	
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	Đạt	0	Đạt	0	0,09m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Hải Dương, ngày 05 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
TÂN BÌNH
Vũ Thị Thùy Hương

b) *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:*

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THCS TÂN BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 12

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường THCS Tân Bình năm học 2023 – 2024

Stt	Tên trường																							
		CBQL					Giáo viên						Nhân viên											
		Số lượng	Trình độ đào tạo			Đang đào tạo trên chuẩn	Tổng số biên chế giáo viên hiện có	Trình độ đào tạo			Đang đào tạo nâng chuẩn, trên chuẩn (ghi rõ trình độ)	Số giáo viên hợp đồng	Tổng số	Trong đó							Biên chế	Đang đào tạo nâng cao trình độ		
TC	CD		ĐH và trên ĐH	TC	CD			ĐH và trên ĐH	Kế toán	Văn thư				Thư viện	Thiết bị	Y tế	Bảo vệ	Nuôi dưỡng	Khác					
1	Trường THCS Tân Bình	3	0	0	3	0	79	0	0	79	0	1	5	1	1	1	0	0	2	0	0	3		

Hải Dương, ngày 05 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Thủy Hương

3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ (Có biểu mẫu kèm theo)

- Trường THCS Tân Bình tiến hành thu các khoản thu phục vụ năm học 2023-2024 như sau:

I. Kỳ I năm học 2023-2024:

STT	Nội dung thu	Mức thu	Thời điểm thu
1	Thu theo quy định	Học phí kỳ I	Tháng 10/2023
		Xe đạp	Tháng 09/2023
		BHYT	Tháng 11/2023
2	Thỏa thuận	Lao công	Tháng 09/2023
		Nước uống	Tháng 09/2023

		Tiếng anh có yếu tố nước ngoài	40.000 đ/ 1 tiết/1 tuần	
		Dạy thêm - học thêm	7.000 đ/tiết/HS	
		SLL ĐT	10.000 đ/HS/tháng	Tháng 09/2023
		BHTT	200.000đ/HS/1năm	Tháng 09/2023
		Tài trợ	Tự nguyện	Dự kiến tháng 11/2022 năm học 2023-2024 triển khai thực hiện
3	Tự nguyện	Quỹ HCM		Được trích từ quỹ các lớp

II. Kỳ II năm học 2023-2024:

STT	Nội dung thu		Mức thu	Thời điểm thu
1	Thu theo quy định	Học phí kỳ II	105.000 đ/HS/tháng	Tháng 04/2024
		Xe đạp	10.000 đ/HS/tháng	Tháng 03/2024
2	Thỏa thuận	Lao công	20.000 đ/HS/tháng	Tháng 03/2024
		Nước uống	7.000 đ/HS/tháng	Tháng 03/2024
		Tiếng anh có yếu tố nước ngoài	40.000 đ/ 1 tiết/1 tuần	
		Dạy thêm - học thêm	7.000 đ/ 1 tiết /HS	
		SLL ĐT	10.000 đ/HS/tháng	Tháng 03/2024
		Quỹ HCM		Được trích từ quỹ các lớp
3	Tự nguyện	Quỹ HCM		Được trích từ quỹ các lớp

Ghi chú: Tất cả các khoản thu nhà trường tiến hành thu qua hệ thống ngân hàng và không dùng tiền mặt.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Ưu điểm:

Nhà trường có đội ngũ giáo viên chất lượng vững vàng và đều tay, có tinh thần trách nhiệm cao.

Nhà trường chỉ đạo cho giáo viên giáo dục lòng ghép đạo đức cho học sinh thông qua các môn học giáo dục pháp luật, hành vi đạo đức.

Học sinh của nhà trường chăm ngoan, đoàn kết, có ý thức tổ chức kỉ luật
Rèn kĩ năng sống cho học sinh hướng các em tới chân, thiện, mỹ

Đa số học sinh có đạo đức tốt, chăm ngoan, biết vâng lời cha mẹ, thầy cô.

Học sinh, Phụ huynh học sinh, giáo viên và và toàn thể nhân dân có thể tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục

2. Hạn chế, tồn tại:

Cơ sở vật chất nhà trường chưa đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia: Diện tích hẹp, thiếu các phòng chức năng, nhà đa năng....Việc quản lý học sinh của một số phụ huynh học sinh chưa thật tốt, có nhiều đối tượng phụ huynh học sinh khác nhau, sự quan tâm tới con em chưa triệt để làm cho nhà trường gặp nhiều khó khăn trong giảng dạy cũng như trong quản lý học sinh.

3. Phương hướng, giải pháp khắc phục hạn chế, tồn tại trong năm học

Tăng cường phối kết hợp ba môi trường giáo dục gia đình - nhà trường - xã hội .
Tuyên truyền sâu rộng hơn những hành vi học sinh không được làm

Nhà trường thắt chặt hơn nữa việc quản lý học sinh, có biện pháp nâng cao chất lượng hai mặt giáo dục ngày càng tốt hơn.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Thùy Hương